TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **380/**2025/HC-ST
Ngày: 27/8/2025
Về việc: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Thu Hạnh**
Bà Lê Lan Chi

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Tuyết Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* **Bà Đinh Thị Tuyết Mai** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 359/2024/TLST-HC ngày 03/10/2024 về việc: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2025/QĐXXST-HC ngày 09/6/2025, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 171/2025/TB-TA ngày 30/6/2025, Thông báo về việc mở phiên tòa số 885/2025/TB-TA ngày 04/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 195X; CCCD số: xxxxx do CCSQLHC về TTXH cấp ngày xxxxx; Địa chỉ: phố P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, (Nay là phường H, thành phố Hà Nội); *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Bùi Văn T – Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

2. Người bị kiện: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận H, TP Hà Nội

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND quận H*: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hà Nội**

Địa chỉ: Khu đô thị mới N, phường D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Chí T – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Ngọc H – Phó Chủ tịch (Quyết định ủy quyền số 169/QĐ-UBND ngày 19/8/2025). *(Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ủy ban nhân dân phường D, quận H, TP Hà Nội

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND phường D, quận H*: Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hà Nội**

Địa chỉ: Khu đô thị mới N, phường D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Chí T – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Ngọc H – Phó Chủ tịch (Quyết định ủy quyền số 169/QĐ-UBND ngày 19/8/2025). *(Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).*

3.2. Bà Dương Thị D, sinh năm 195X; CCCD số: xxxxx do CCSQLHC về TTXH cấp ngày xxxxx; Địa chỉ: phố P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, (Nay là phường H, thành phố Hà Nội); *(Có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện – Ông Nguyễn Xuân H trình bày:

1. Tại Quyết định số 7090/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H đã thu hồi 76,1m^2 đất do hộ ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng tại phường D, quận H, thành phố Hà Nội để thực hiện dự án cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

2. Tiếp theo UBND quận H đã ban hành Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H - bà Dương Thị D ở phường D, quận H, Hà Nội, với tổng số tiền được bồi thường là 9.842.376 đồng.

3. Ông H cho rằng Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông H là không đúng, không phù hợp với thực tế và gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông H, cụ thể là:

a/ Đất của gia đình ông H bị thu hồi có nguồn gốc do UBND xã D giao đất giãn dân năm 1986 có thu tiền sử dụng đất, diện tích là 8 thước tương đương với 192m^2 cho ông Nguyễn Xuân Đ (anh trai ông H) để ở, với số tiền phải nộp là 12.800 đồng.

Diện tích đất ông Đ sử dụng thuộc một phần thửa đất số 47 diện tích 1.856m^2 do UBND phường quản lý, sổ mục kê ghi ông Đ sử dụng 192m^2, theo tờ bản đồ số 5 vẽ năm 2004 thì đất của ông Đ được chia tách thành 2 thửa:

- Thửa số 65 diện tích 136,6m^2 loại đất ở, kê khai đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Xuân Đ.

- Thửa số 79, diện tích 54,0m^2 loại đất ở, kê khai đứng tên chủ sử dụng đất là ông Ngô Trọng Đ.

b/ Năm 1986 ông Nguyễn Xuân Đ tách cho ông Nguyễn Xuân H (là em trai ông Đ) sử dụng 96m^2, ông H đã sử dụng như sau:

- Diện tích 54,2m^2 đất là do UBND xã giao đất ở và đã nộp tiền 9.000 đồng có phiếu thu số 06 ngày 10/5/1986 do ông Đ nộp và đã được UBND xã xác nhận là ông Đ nộp. Hơn nữa, năm 2007 ông Đ đã chuyển nhượng cho ông Ngô Trọng Đ 55m^2, đã được UBND xã D công nhận. Năm 2009 ông Nguyễn Trọng Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, việc ông Đ được cấp đất giãn dân và ông Đ đã nộp đủ tiền sử dụng đất đối với 192m^2 nên ông đã chuyển nhượng cho ông Đ 55m^2 và cho ông H 96,1m^2 là hợp pháp.

- Diện tích 96,1m^2 ông H được cho, ông H đã quản lý, sử dụng và xây móng nhà, vách tôn, khung thép, lợp mái tôn, xây tường bao, đổ bê tông xi măng sân. Do điều kiện kinh tế khó khăn ông H chưa xây dựng hoàn thiện nhà trên đất.

c/ Diện tích đất trên của gia đình ông H cũng đủ các điều kiện như đất của gia đình ông Nguyễn Trọng Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đất của gia đình ông H chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại Điều 75 khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 79 của Luật đất đại năm 2013 thì trường hợp đất của gia đình ông H sẽ được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở, trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì nhà nước bồi thường bằng tiền.

Do đó ông H để nghị UBND quận H bồi thường theo quy định nêu trên của Luật đất đai, vì đất của gia đình ông H là đất thổ cư, có công trình trên đất nên được bồi thường 100% giá trị đất ở. Đồng thời ông H đề nghị được giải quyết hỗ trợ một suất tái định cư vì đây là diện tích đất ở duy nhất của ông H ở địa phương.

d/ Ông H thuộc gia đình chính sách đã tham gia quân đội 18 năm, chiến đấu ở các chiến trường như Quảng Trị 1972, CămPuChia và biên giới phía Bắc góp phần bảo vệ tổ quốc. Gia đình ông H gồm 4 người, các con đều đã lớn, khó khăn về chỗ ở.

Nay Nhà nước thu hồi đất cho dự án mà không bồi thường diện tích 96,1m^2 đất ở thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 03 thuộc phường D là không đúng với quy định của Luật đất đai, không phù hợp với thực tế và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông H.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H và bà Dương Thị D ở phường D, quận H, Hà Nội.

2. Giao cho UBND quận H giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Xuân H, bảo đảm có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với thực tế để quyền lợi chính đáng của gia đình ông H được thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai.

Tại văn bản số 149/BC-UBND ngày 18/3/2025, người bị kiện – Chủ tịch và UBND quận H có ý kiến:

1. Về thu hồi đất, phê duyệt phương án BTHT.

Ngày 07/12/2023, UBND quận H ban hành các Quyết định số 7090/QĐ-UBND về việc thu hồi 76,1m^2 đất do hộ ông (bà) Nguyễn Xuân H đang sử dụng tại phường D, quận H để thực hiện Dự án Cải thiện hệ thống tiêu thoát nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa); số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt phương án BTHT và TĐC để thực hiện Dự án đối với hộ ông (bà) Nguyễn Xuân H, tổng số tiền BTHT được nhận là 9.842.376 đồng. Trong đó:

- Về đất: đối với diện tích 76,1m^2 đất hộ gia đình đang sử dụng bị thu hồi vào dự án, gồm:

+ 54,2m^2 nguồn gốc là đất do UBND xã giao đất ở không đúng thẩm quyền, có thu tiền sử dụng đất, thời điểm năm 1986, mục đích để ở cho ông Nguyễn Xuân Đ. Hiện hộ gia đình ông Đ không còn lưu giữ Phiếu thu tiền sử dụng đất (bản gốc), ông H đã xin được của ông Nguyễn Trung Đ (nguyên kế toán UBND xã D năm

1986) phiếu thu số 6 lập ngày 10/5/1986 với số tiền là 9.000 đồng (liên lưu không có dấu treo của UBND xã). Tuy nhiên, việc lấy ý kiến đối với nguyên cán bộ UBND xã các thời kỳ khẳng định các hộ được giao đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, cộng với việc năm 2007 ông Đ chuyển nhượng 55m^2 cho ông Ngô Trọng Đ đã được UBND xã D xác nhận năm 2009 đã được UBND quận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó UBND phường xác định ông Nguyễn Xuân Đ đã nộp đủ tiền sử dụng đất. Tuy nhiên do hộ gia đình ông H sử dụng đất năm 2010 sau thời điểm 01/01/2008. Căn cứ khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, không đủ điều kiện cấp giấy quyền sử dụng đất nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

+ 21,9m^2 nguồn gốc là đất hành lang kênh do gia đình tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 (đã đo vẽ trên bản đồ năm 2004), năm 2010 ông H xây dựng lại công trình nhà ở như hiện nay (Không có văn bản xử lý ngăn chặn của cơ quan thẩm quyền). Căn cứ điều 82 Luật đất đai năm 2013, không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

- Diện tích đất đang sử dụng vào mục đích để ở còn lại: 41,8m^2 là đất ở của hộ gia đình (theo Quy hoạch phân khu S4, phần diện tích đất này nằm vào quy hoạch mở đường và quy hoạch cây xanh không phù hợp quy hoạch đất ở)

- Về tái định cư: Diện tích đất bị thu hồi 76,1m^2, diện tích đất còn lại là 21,9m^2 (trong đó: 54,2m^2 đất giao trái thẩm quyền và 21,9m^2 đất hành Lang Kênh La Khê), Theo xác nhận của UBND phường D hộ ông Nguyễn Xuân H không trực tiếp ăn ở tại địa chỉ GPMB, ngoài thửa đất tại địa chỉ GPMB, ông H không còn thửa đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường D, hộ ông H sử dụng đất năm 2010 sau thời điểm 01/01/2008 không được bồi thường về đất, diện tích còn lại 41,8m^2 là đất ở của hộ gia đình (theo Quy hoạch phân khu S4, phần diện tích đất này nằm vào quy hoạch mở đường và quy hoạch cây xanh không phù hợp quy hoạch đất ở), Căn cứ Điều 79 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, không được bố trí tái định cư.

Tại văn bản số 209/UBND-ĐCXD ngày 18/4/2025, người đại diện theo ủy quyền của UBND phường D có ý kiến:

1. Về hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương.

Theo hệ thống quản lý đất đai tại UBND phường D.

- Theo tờ bản đồ số 5 đo đạc năm 1986 và sổ dã ngoại, sổ mục kê kiêm thống kê ruộng đất do UBND phường hiện đang quản lý thể hiện: Thửa đất do ông Nguyễn Xuân Đ sử dụng đất thuộc một phần của thửa đất số 47, diện tích 1.856m^2 đất do UBND phường quản lý. Sổ mục kê thể hiện ghi tên ông Nguyễn Xuân Đ sử dụng 192m^2.

- Theo tờ bản đồ số 5 vẽ năm 2004 thể hiện thửa đất được giao của ông Nguyễn Xuân Đ được chia tách thành 02 thửa đất:

+ Thửa số 65, diện tích 136,6m^2, loại đất ở, kê khai đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Xuân Đ.

+ Thửa số 79, diện tích 54,0m^2, loại đất ở, kê khai đứng tên chủ sử dụng là ông Ngô Trọng Đ.

2. Về hồ sơ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Ngày 21/9/2023, UBND phường D ban hành Giấy xác nhận số 41/GXN về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của hộ gia đình cùng số nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây TP Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

3. Về quan điểm giải quyết của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 361/UBND-BQLDA ngày 21/8/2025, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND phường D (mới) là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND quận H và của UBND phường D (cũ) có ý kiến:

Ủy ban nhân dân phường D nhận được Văn bản số 632/2025/TBTA ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thông báo về việc kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 359/2024/TLST-HC ngày 03/10/2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*; giữa: *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 195X; địa chỉ: tổ dân phố 1, phường L, thành phố Hà Nội. *Người bị kiện*: Uỷ ban nhân dân phường D; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường D, thành phố Hà Nội. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: UBND phường D.

Về việc này, UBND quận H (trước đây) đã có Báo cáo số 149/BCUBND ngày 18/03/2025 nêu ý kiến đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H, bị thu hồi để thực hiện dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa, địa bàn phường D, quận H; UBND phường D (cũ) đã có Văn bản số 209/UBND-ĐCXD ngày 18/4/2025 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến thửa đất bị thu hồi.

Sau khi kiểm tra, rà soát báo cáo, hồ sơ đã cung cấp, UBND phường D có ý kiến bổ sung như sau:

1. Đối với việc xác nhận của UBND phường D (cũ)

- Giấy xác nhận số 41/GXN ngày 21/9/2023 của UBND phường D (cũ) đã xác nhận, diện tích đất 76,1m^2 hộ ông Nguyễn Xuân H bị thu hồi có nguồn gốc cụ thể như sau:

"+ 54,2m² nguồn gốc là đất do UBND xã giao đất ở không đúng thẩm quyền, có thu tiền sử dụng đất, thời điểm năm 1986, mục đích để ở cho ông Nguyễn Xuân Đ. Hiện hộ gia đình ông Đ không còn lưu giữ Phiếu thu tiền sử dụng đất (bản gốc), ông H đã xin được của ông Nguyễn Trung Đ (nguyên kế toán UBND xã D năm 1986) phiếu thu số 6 lập ngày 10/5/1986 với số tiền là 9.000 đồng (liên lưu không có dấu treo của UBND xã). Tuy nhiên, việc lấy ý kiến đối với nguyên cán bộ UBND xã các thời kỳ khẳng định các hộ được giao đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, cộng với việc năm 2007 ông Đ chuyển nhượng 55m² cho ông Ngô Trọng Đ đã được UBND xã D xác nhận năm 2009 đã được UBND quận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó UBND phường xác định ông Nguyễn Xuân Đ đã nộp đủ tiền sử dụng đất.

+ 21,9m² đất nguồn gốc là đất hành lang kênh, tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 (đã đo vẽ trên bản đồ năm 2004). Năm 2010 ông H sử dụng và xây dựng lại công trình nhà ở như hiện nay (Không có văn bản xử lý ngăn chặn của cơ quan thẩm quyền)."

Ngày 20/8/2025, Ban QLDA đầu tư – hạ tầng phối hợp với phòng Kinh tế, hạ tầng & đô thị kiểm tra, rà soát nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, phương án BTHT&TĐC của hộ ông Nguyễn Xuân H. Nội dung thể hiện:

Sau khi kiểm tra rà soát hồ sơ, UBND phường không có hồ sơ lưu trữ về việc giao đất năm 1986, không có cơ sở xác định vị trí, diện tích đất ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng là đất ông Nguyễn Xuân Đ được giao năm 1986; nội dung xác minh của UBND phường D với ông Nguyễn Trung Đ (Nguyên kế toán UBND xã D thời kỳ năm 1986, sau là cán bộ Thương binh xã hội đến năm 2010), ông Đoàn Công T (Nguyên là Kế toán UBND phường D năm 1999 đến năm 2014), ông Nguyễn Xuân T (Nguyên là Chủ nhiệm HTX Ỷ La thời kỳ năm 2000-2009), ông Đoàn Công T (Nguyên là Chủ nhiệm HTX Ỷ La thời kỳ 2009-2022), ông Đặng Đình N (Nguyên là Chủ nhiệm HTX La Nội 2005-2009), ông Đặng Đình N (Nguyên là Chủ nhiệm HTX La Nội giai đoạn năm 1989, làm Bí thư Đảng ủy giai đoạn 1990-1994), ông Bùi Quang T (Nguyên là Thủ quỹ HTX La Nội năm 1989), ông Nguyễn Tài T (Nguyên là Kế toán HTX La Nội từ 1989 đến năm 2010) tại Biên bản ngày 30/9/2020 chỉ có phần trình bày của ông Nguyễn Trung Đ, các thành phần khác không tham gia việc thu tiền tại thời điểm giao đất năm 1986 nhưng các thành viên lại cùng có ý kiến thống nhất kết luận việc các hộ được giao đất giãn dân hai bên bờ Sông Ỷ La thời điểm năm 1986 đã nộp đủ tiền để được giao đất, danh sách kèm theo Biên bản chưa phù hợp với danh sách viết tay do ông Nguyễn Trung Đ cung cấp (số tiền ông Đ còn thiếu 3.800 đồng). Do đó, chưa có cơ sở khẳng định diện tích 54,2m^2 đất hộ ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng có nguồn gốc của ông Nguyễn Xuân Đ được giao và đã nộp đủ tiền như UBND phường D (cũ) xác nhận.

Mặt khác, theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường D (cũ), ông Nguyễn Xuân Đ được UBND xã giao 8 thước đất = 192m đất. Bản đồ năm 2004 thể hiện thành 2 thửa có tổng diện tích 190,6m^2 (thửa 65, diện tích 136,6m^2, thửa 79, diện tích 54m^2). Biên bản họp gia đình thống nhất cho ông Nguyễn Xuân Đ 95,7m^2 được lập năm 2012, 2015. Thời điểm đo đạc phục vụ công tác GPMB, hộ ông H đang sử dụng 117,9m^2 đất (tăng 22,2m^2 so với thời điểm nhận tặng cho). Do đó, không có cơ sở xác định trong diện tích đất hộ ông H bị thu hồi có 21,9m² đất nguồn gốc là đất hành lang kênh, gia đình tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Việc xác nhận thời điểm vi phạm đối với diện tích 21,9m^2 sử dụng ra đất hành lang Kênh La Khê của UBND phường D cũ là không phù hợp (vi phạm sau khi được ông Nguyễn Xuân Đ chia tách) mà thời điểm vi phạm là từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014.

2. Đối với việc bồi thường về đất cho hộ ông Nguyễn Xuân H tại Quyết định phê duyệt phương án BTHT TĐC của UBND quận H:

Thời điểm Nhà nước triển khai trình tự, thủ tục thu hồi đất, BTHT GPMB thực hiện Dự án, gia đình ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng 117,9m^2 đất tại TDP T, phường D (tương ứng thửa đất số 07, tờ bản đồ 03 Bản đồ phục vụ công tác GPMB Dự án). Trong đó có 76,1m^2 đất bị thu hồi thực hiện Dự án, còn lại 41,8m^2 gia đình tiếp tục sử dụng.

Toàn bộ thửa đất gia đình ông Nguyễn Xuân H sử dụng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Đối chiếu các tài liệu hồ sơ do gia đình ông Nguyễn Xuân H cung cấp và UBND phường D (cũ) lưu trữ với các giấy tờ quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cho thấy:

- Không có tài liệu nào chứng minh hộ ông Nguyễn Xuân H đã sử dụng ổn định thửa đất trên từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, do đó hộ ông Nguyễn Xuân H

không thuộc trường hợp được cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai.

- Không có đủ căn cứ, cơ sở xác định gia đình ông Nguyễn Xuân H đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo quy định tại Điều 20, Điều 22, Điều 23, khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định về Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

"1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp."

Như vậy, hộ ông Nguyễn Xuân H không thuộc trường hợp đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định trên.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai, UBND quận H đã phê duyệt phương án BTHT TĐC đối với hộ ông Nguyễn Xuân H là không được bồi thường về đất do không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H

- Về việc ông Nguyễn Xuân H yêu cầu bồi thường về đất đối với 54,2m² nguồn gốc là đất do UBND xã giao đất ở không đúng thẩm quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ: Quá trình Chủ tịch UBND Thành phố xem xét giải quyết khiếu nại lần 2 đối với một số trường hợp tương tự hộ ông H trong cùng khu vực thực hiện Dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa (cùng có nguồn gốc đất giao không đúng thẩm quyền, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; không thuộc trường hợp được cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai; không có căn cứ, cơ sở xác định đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo quy định tại Điều 20, Điều 22, Điều 23, khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ). Tại các quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, Chủ tịch UBND Thành phố đã giữ nguyên quyết định phê duyệt phương án BTHT TĐC của UBND quận H (không đủ điều kiện Bồi thường về đất theo Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013). Giao UBND quận H xem xét hỗ trợ khác.

Để đảm bảo an sinh xã hội và quyền lợi của các hộ dân có đất bị thu hồi, UBND phường D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nghiên cứu rà soát, xem xét Điều 11 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ khi giải quyết đơn của công dân.

- Về việc tái định cư: UBND phường đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai của bà Dương Thị D: Có ý kiến đồng ý nội dung yêu cầu khởi kiện và bản tự khai của ông Nguyễn Xuân H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa*:**

* Người khởi kiện vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày về nguồn gốc nhà đất của gia đình. Ông Nguyễn Xuân H xác định phần diện tích đất 96m^2 của ông Nguyễn Xuân Đ là anh trai ông H đã chuyển nhượng cho ông H từ những năm 1990 nhưng do chưa có tiền xây dựng nhà nên đến năm 2010 ông H mới xây một nhà tạm để ở và kinh doanh, ngoài việc chuyển nhượng đất cho ông H thì năm 2007 ông Đ còn chuyển nhượng đất cho ông Ngô Trọng Đ diện tích đất 55m², ông Đ đã được UBND xã D xác nhận, năm 2009 đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đất của gia đình ông H chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H xác định diện tích đất trên của gia đình ông cũng đủ các điều kiện như đất của gia đình ông Nguyễn Trọng Đ, đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H; UBND quận H (nay là UBND phường D) phải giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông H theo đúng quy định của pháp luật.

* Đại diện UBND phường D, thành phố Hà Nội giao nộp:

- Biên bản làm việc đề ngày 30/9/2020 của UBND phường D cũ có kèm theo Danh sách rà soát, xác minh, lấy ý kiến về việc nộp tiền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, các nhân được giao đất giãn dân hai bên bờ sông khu Ỷ La, nay nằm trong quy hoạch dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), thuộc địa bàn phường D.

- Quyết định số 4094/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Hoàng Mạnh B (Để Hội đồng xét xử tham khảo).

Đại diện UBND phường D, thành phố Hà Nội là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND quận H và của UBND phường D (cũ), quận H có ý kiến: Giữ nguyên các ý kiến bổ sung tại văn bản số 361/UBND-BQLDA ngày 21/8/2025; Không phủ nhận Giấy xác nhận số 41/GXN ngày 21/9/2023 của UBND phường D (cũ) đã xác nhận; Xác định hộ ông Nguyễn Xuân H không thuộc trường hợp được cấp GCNQSD đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Hộ ông Nguyễn Xuân H không thuộc trường hợp đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định; Tuy nhiên, để đảm bảo an sinh xã hội và quyền lợi của các hộ dân có đất bị thu hồi, UBND phường D đề nghị Tòa án xem xét Điều 11 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ khi giải quyết đơn của công dân; Về việc tái định cư: UBND phường đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện sau khi trình bày bản luận cứ đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về việc thụ lý, giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đối thoại, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo quy định nhưng có lý do khách quan do vụ án có tính chất phức tạp, cần thu thập tài liệu chứng cứ. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H: Hủy một phần Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H (hủy về phần bồi thường hỗ trợ về đất). Buộc UBND phường D phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và xem xét tái định cư đối với hộ gia đình ông H.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

1. *<u>Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án</u>*:

Ông Nguyễn Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định có liên quan đến Quyết định bị kiện: Quyết định số 7090/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc thu hồi đất; Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất; Đây là các Quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước/người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Khi xem xét Quyết định hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử còn phải xem xét các Quyết định hành chính khác có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Tố tụng hành chính.

2. *<u>Về thời hiệu khởi kiện</u>*:

Ngày 19/12/2023 ông Nguyễn Xuân H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với Quyết định hành chính nêu trên là đảm bảo về thời

hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

3. *Về xác định người tham gia tố tụng; Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:*

- Về người bị kiện: Ông Nguyễn Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính do UBND quận H ký ban hành. Khi xem xét Quyết định hành chính bị kiện, Tòa án còn phải xem xét các Quyết định hành chính khác có liên quan do UBND quận H và Chủ tịch và UBND quận H ký ban hành, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, xác định Chủ tịch và UBND quận H là người bị kiện trong vụ án.

- Căn cứ: Khoản 3, 4 Điều 59 Luật tố tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội; Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND thành phố Hà Nội; Hội đồng xét xử xác định: Chủ tịch và UBND phường D, TP Hà Nội là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND quận H, TP Hà Nội tham gia tố tụng trong vụ án hành chính này.

- Theo Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì quyền lợi được bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H – bà Dương Thị D; Căn cứ khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, xác định bà Dương Thị D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

4. *Về việc xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa*:

Bà Dương Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Dương Thị D.

[II] Về nội dung vụ án: Xét các quyết định hành chính bị kiện và các quyết định hành chính có liên quan.

1. *Về dự án:*

Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) là dự án đầu tư công, Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

2. *Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:*

Nguồn gốc diện tích 76,1m^2 đất bị thu hồi của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H thuộc địa bàn phường D, cụ thể:

- Tổng diện tích đất hộ gia đình đang sử dụng: 117,9m^2
- Diện tích đất bị thu hồi: 76,1m^2
- Diện tích đất còn lại: 41,8m^2

Theo Giấy xác nhận số 41/GXN ngày 21/9/2023 của UBND phường D thể hiện: Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Do hiện nay UBND phường D và các hộ gia đình có diện tích đất, công trình trên đất nằm trong dự án không còn lưu giữ được đầy đủ các giấy tờ liên quan đến việc giao đất và nghĩa vụ tài chính trước đây của các hộ. Để có cơ sở xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, UBND phường đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến cộng đồng

dân cư, các tổ chức chính trị, xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thời điểm xây dựng công trình trên đất; căn cứ hệ thống bản đồ địa chính qua các thời kỳ được lưu giữ tại UBND phường được thể hiện như sau:

- Đất có nguồn gốc do UBND xã D giao đất giãn dân năm 1986, có thu tiền sử dụng đất diện tích 8 thước (tương ứng với 192m^2) cho ông Nguyễn Xuân Đ, mục đích để ở; Theo danh sách các hộ mua đất khu bờ sông thể hiện ông Nguyễn Xuân Đ được giao diện tích 8 thước với số tiền là 12.800,0 đồng, hiện nay gia đình không cung cấp được phiếu thu tiền sử dụng đất.

- Theo tờ bản đồ số 5 đo đạc năm 1986 và sổ dã ngoại, sổ mục kê kiêm thống kê ruộng đất do UBND phường hiện đang quản lý thể hiện: thửa đất do ông Nguyễn Xuân Đ sử dụng đất thuộc một phần của thửa đất số 47, diện tích 1.856m^2 đất do UBND phường quản lý. Sổ mục kê thể hiện ghi tên ông Nguyễn Xuân Đ sử dụng 192m^2.

- Theo tờ bản đồ số 5 vẽ năm 2004 thể hiện thửa đất được giao của ông Nguyễn Xuân Đ được chia tách thành 02 thửa đất:

+ Thửa số 65, diện tích 136,6m^2, loại đất ở, kê khai đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Xuân Đ.

+ Thửa số 79, diện tích 54,0m^2, loại đất ở, kê khai đứng tên chủ sử dụng là ông Ngô Trọng Đ.

Quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Xuân Đ chuyển nhượng cho ông Ngô Trọng Đ 55m^2 đã được UBND xã xác nhận. Sau đó ông Ngô Trọng Đ tiếp tục cho con gái là bà Ngô Thị C sử dụng thửa đất này, bà C đã làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số xxxxx cấp ngày xxxxx với số thửa đất là 47A, tờ bản đồ số 5, diện tích 55,0m^2 tại khu Ỷ La, phường D, mục đích sử dụng đất để ở; Ngày 09/11/2015, bà Ngô Thị C tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị K địa chỉ: phường Y, quận H. Hai bên đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và được Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh quận H xác nhận ngày 09/11/2015.

Ngoài ra, hộ ông Nguyễn Xuân Đ được giao sử dụng thửa đất nông nghiệp tại xứ đồng Cầu sông, diện tích 38m^2 liền kề với phần đất ở được giao. Năm 1999 ông Đ cho con trai ông Nguyễn Xuân C sử dụng thửa đất nông nghiệp này và một phần diện tích đất ở. Sau khi được cho sử dụng đất, ông C đã xây dựng nhà ở trên phần đất nông nghiệp và phần đất hành lang kênh, còn phần diện tích đất ở chưa xây dựng (do có đường điện phía trên); ông Nguyễn Xuân Đ chia tách trả cho em trai là Nguyễn Xuân H sử dụng một phần diện tích đất ở, năm 2010 ông H đã xây dựng nhà cấp 4 và sử dụng đến nay.

- Ngày 26/3/2020 UBND phường làm việc với ông Nguyễn Xuân H để xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, ông H cho biết: gia đình đã thỏa thuận cho anh trai lớn là ông Nguyễn Xuân Đ được sử dụng toàn bộ thửa đất ở ông cha để lại trong khu dân cư; đến năm 2007 ông Đ chia tách cho ông H 4 thước đất (tức 96m^2) tại thửa đất giãn dân khu Cầu sông (thỏa thuận miệng); năm 2010 ông H xây dựng nhà ở và cho thuê sử dụng đến nay; Năm 2012 và năm 2015 các anh em ông H họp gia đình và lập Biên bản thống nhất chia tách đất cho ông H sử dụng là 95,7m^2 tại thửa đất giãn dân khu bờ sông; ông H đứng tên nộp thuế sử dụng đất ở từ năm

2012 đến nay; Ông H có hộ khẩu thường trú và ăn ở thường xuyên tại phường L, quận H (Ông H cung cấp Biên bản họp gia đình lập ngày 15/4/2012 và ngày 24/04/2015 có chứng kiến của Tổ trưởng tổ dân phố T, cán bộ Tư pháp phường; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư lập ngày 08/7/2012, Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2012 đến năm 2016).

- Theo Biên bản kiểm kê lập ngày 30/8/2019 đối với ông Nguyễn Xuân H thể hiện: tổng diện tích ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng là 117,9m^2 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, bản đồ dự án. Diện tích đất bị thu hồi là 76,1m^2, diện tích còn lại sử dụng là 41,8m^2.

Trên cơ sở nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và kết quả điều tra, xác minh, thu thập thông tin, UBND phường xác nhận như sau:

- Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định vào mục đích để ở đối với diện tích đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: năm 1986; hộ ông Đ chia tách cho em trai là ông H sử dụng, ông H bắt đầu sử dụng từ năm 2010.

- Diện tích đất vào quy hoạch dự án là 76,1m^2 có nguồn gốc:

+ 54,2m^2 nguồn gốc là đất do UBND xã giao đất ở không đúng thẩm quyền, có thu tiền sử dụng đất, thời điểm năm 1986, mục đích để ở cho ông Nguyễn Xuân Đ. Hiện hộ gia đình ông Đ không còn lưu giữ Phiếu thu tiền sử dụng đất (bản gốc), ông H đã xin được của ông Nguyễn Trung Đ (nguyên kế toán UBND xã Dương Nội năm 1986) phiếu thu số 6 lập ngày 10/5/1986 với số tiền là 9.000 đồng (liên lưu không có dấu treo của UBND xã). Tuy nhiên, việc lấy ý kiến đối với nguyên cán bộ UBND xã các thời kỳ khẳng định các hộ được giao đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, cộng với việc năm 2007 ông Đ chuyển nhượng 55m^2 cho ông Ngô Trong Đ đã được UBND xã D xác nhận, năm 2009 đã được UBND quận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó UBND phường xác định ông Nguyễn Xuân Đ đã nộp đủ tiền sử dụng đất.

+ 21,9m^2 nguồn gốc là đất hành lang kênh do gia đình tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 (đã đo vẽ trên bản đồ năm 2004), năm 2010 ông H xây dựng lại công trình nhà ở như hiện nay (Không có văn bản xử lý ngăn chặn của cơ quan thẩm quyền).

- Diện tích đất đang sử dụng vào mục đích để ở còn lại: 41,8m^2 là đất ở của hộ gia đình (theo Quy hoạch phân khu S4, phần diện tích đất này nằm vào quy hoạch mở đường và quy hoạch cây xanh không phù hợp quy hoạch đất ở).

- Tình trạng nhà ở, đất ở khác (ngoài địa điểm nơi thu hồi đất) trong địa bàn phường: Ông Nguyễn Xuân H đang ăn ở thường xuyên tại phường L, quận H, không trực tiếp ăn ở tại địa chỉ GPMB (ông H cho thuê sử dụng công trình), ngoài thửa đất tại địa chỉ GPMB, ông H không còn thửa đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn trên địa bàn phường D.

Như vậy: Tổng diện tích đất 117,9m^2 hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H sử dụng có nguồn gốc do UBND xã D giao đất không đúng thẩm quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ và đất lấn chiếm.

3. *Xét Quyết định số 7090/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc thu hồi đất*:

- Về căn cứ, thẩm quyền ban hành Quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, UBND quận H đã ban hành Quyết định số 7090/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc thu hồi đất là có căn cứ,

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) là dự án đầu tư công, Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Để thực hiện dự án này, UBND quận H đã tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đã ban hành Quyết định số 7090/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc thu hồi 76,1m^2 đất do hộ ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng tại phường D, quận H, Hà Nội, thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3 theo trích đo bản đồ thu hồi đất thực hiện dự án là đúng quy định của pháp luật.

4. *Xét Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất:*

4.1. Về căn cứ, thẩm quyền ban hành Quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, UBND quận H ban hành Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân H – Dương Thị D (kèm theo phương án chi tiết) thể hiện:

* Về bồi thường, hỗ trợ về đất: Tổng diện tích đất hộ gia đình đang sử dụng: 117,9m^2; Diện tích đất bị thu hồi: 76,1m^2; Diện tích đất còn lại: 41,8m^2, có nguồn gốc, thời gian sử dụng đất theo Giấy xác nhận số 41/GXN ngày 21/9/2023 của UBND phường D cụ thể như đã nêu ở trên.

- Diện tích 76,1m^2 đất hộ gia đình đang sử dụng bị thu hồi vào dự án, gồm:

+ 54,2m^2 nguồn gốc là đất do UBND xã giao đất ở không đúng thẩm quyền, có thu tiền sử dụng đất, thời điểm năm 1986, mục đích để ở cho ông Nguyễn Xuân Đ. UBND phường xác định ông Nguyễn Xuân Đ đã nộp đủ tiền sử dụng đất. Tuy nhiên do hộ gia đình ông H sử dụng đất năm 2010 sau thời điểm 01/01/2008. Căn cứ khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, không đủ điều kiện cấp giấy quyền sử dụng đất nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

+ 21,9m^2 nguồn gốc là đất hành lang kênh do gia đình tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 (đã đo vẽ trên bản đồ năm 2004), năm 2010 ông H xây dựng lại công trình nhà ở như hiện nay (Không có văn bản xử lý ngăn chặn của cơ quan thẩm quyền). Căn cứ điều 82 Luật đất đai năm 2013, không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

- Diện tích đất đang sử dụng vào mục đích để ở còn lại: 41,8m^2 là đất ở của hộ gia đình (theo Quy hoạch phân khu S4, phần diện tích đất này nằm vào quy hoạch mở đường và quy hoạch cây xanh không phù hợp quy hoạch đất ở).

* Về tái định cư: Diện tích đất bị thu hồi 76,1m^2, diện tích đất còn lại là 41,8m^2; Theo xác nhận của UBND phường D, hộ ông Nguyễn Xuân H không trực tiếp ăn ở tại địa chỉ GPMB, ngoài thửa đất tại địa chỉ GPMB, ông H không còn thửa đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường D, hộ ông H sử dụng đất năm 2010 sau thời điểm 01/01/2008 không được bồi thường về đất, diện tích còn lại 41,8m^2 là đất ở của hộ gia đình (theo Quy hoạch phân khu S4, phần diện tích đất này nằm vào quy

hoạch mở đường và quy hoạch cây xanh không phù hợp quy hoạch đất ở); Căn cứ Điều 79 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, không được bố trí tái định cư.

* Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi: Tổng số tiền là 8.842.376 đồng;

* Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: 1.000.000 đồng;

* Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ: 9.842.376 đồng.

Xét thấy:

Căn cứ: Giấy xác nhận số 41/GXN ngày 21/9/2023 của UBND phường D về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H; Hệ thống bản đồ địa chính qua các thời kỳ được lưu giữ tại UBND phường D; Sổ dã ngoại; Sổ mục kê kiêm thống kê ruộng đất do UBND phường D đang quản lý; Việc lấy ý kiến đối với nguyên cán bộ UBND xã các thời kỳ; Việc năm 2007 ông Nguyễn Xuân Đ chuyển nhượng 55m^2 cho ông Ngô Trong Đ đã được UBND xã D xác nhận, năm 2009 đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Diện tích 76,1m^2 đất bị thu hồi vào quy hoạch dự án hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H sử dụng có nguồn gốc:

+ Diện tích 54,2m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã giao đất ở không đúng thẩm quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ, có thu tiền sử dụng đất, thời điểm năm 1986, mục đích để ở, ông Đ đã nộp đủ tiền sử dụng đất. Ông Đ chia tách/chuyển nhượng lại cho em trai là ông Nguyễn Xuân H sử dụng, ông H tiếp tục sử dụng đất, xây dựng nhà cấp 4 từ năm 2010, đã nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2012 đến năm 2016.

+ Diện tích 21,9m^2 có nguồn gốc là đất hành lang kênh La Khê do gia đình tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 (đã đo vẽ trên bản đồ 2004), năm 2010, ông H xây dựng lại công trình nhà ở trên đất (không có văn bản xử lý ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền).

Từ những căn cứ nêu trên xác định diện tích 54,2m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã D giao đất ở không đúng thẩm quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ, có thu tiền sử dụng đất, thời điểm năm 1986, đã nộp đủ tiền sử dụng đất, có tên trong sổ địa chính, sổ dã ngoại; sổ mục kê kiêm thống kê ruộng đất, gia đình ông Nguyễn Xuân Đ sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về đất đai. Do đó, gia đình ông Nguyễn Xuân Đ đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Khoản 3 Điều 23 Nghị định 43 quy định: *"Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này".*

Khoản 2 Điều 20 Nghị định 43 quy định: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác*

nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất".

Quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Xuân Đ chia tách/chuyển nhượng lại cho em trai là ông Nguyễn Xuân H sử dụng, ông H tiếp tục sử dụng đất, xây dựng nhà cấp 4 từ năm 2010 để ở và cho thuê sử dụng cho đến thời điểm giải phóng mặt bằng thu hồi đất để thực hiện dự án, ông H đã nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2012 đến năm 2016. Việc chuyển nhượng đất giữa các bên được thỏa thuận miệng và biên bản họp gia đình thống nhất việc chia tách đất, không có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mặc dù việc chuyển nhượng đất không tuân thủ về hình thức theo quy định của Luật đất đai và Bộ luật dân sự, tuy nhiên trên thực tế ông Đ đã chuyển giao quyền sử dụng đất cho ông H, việc chuyển giao đất là hoàn toàn tự nguyện, ông H tiếp tục sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về đất đai, nên việc chuyển nhượng đất giữa ông Đ và ông H có hiệu lực, ông H có quyền sở hữu đối với diện tích đất nêu trên. Do đó, hộ ông Nguyễn Xuân H thuộc đối tượng đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Do vậy, hộ ông Nguyễn Xuân H đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75, Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

UBND quận H đã không căn cứ vào nguồn gốc đất mà xác định hộ gia đình H không trực tiếp được giao đất nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với diện tích 21,9m^2 có nguồn gốc là đất hành lang kênh La Khê do gia đình tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004:

Căn cứ nội dung Văn bản số 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chính sách hỗ trợ khi thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa thuộc địa bàn quận H; UBND Thành phố Hà Nội đồng ý với đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 9903/STNMT-QHKHSDĐ ngày 06/12/2024 của Sở tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa thuộc địa bàn quận H; Văn bản số 9903/STNMT-QHKHSDĐ ngày 06/12/2024 có nội dung:*"Theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật đất đai năm 2024, để tháo gỡ vướng mắc trong việc áp dụng chính sách khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án, trên cơ sở ý kiến của UBND quận H tại văn bản số 475/BC-UBND ngày 14/8/2024, Sở tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND Thành phố Hà Nội cho phép bổ sung đối tượng được hỗ trợ bằng 30% (đối với trường hợp chuyển đổi trước ngày 15/10/1993) và 20% (đối với trường hợp chuyển từ đổi sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004) đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí theo đơn giá tại Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội cho diện tích đất thực tế có xây dựng công trình bị thu hồi nhưng không quá 90m^2/chủ sử dụng đất theo mục 3 Văn bản số 1686/UBND-TNMT ngày 05/6/2023 của UBND Thành*

phố Hà Nội: Các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất hành lang kênh đã xây dựng nhà để ở hoặc kinh doanh ổn định".

Như vậy, UBND Thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 2 Điều 108 Luật đất đai năm 2024 để có cơ chế đặc thù đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất hành lang kênh đã xây dựng nhà để ở hoặc kinh doanh ổn định. Diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Xuân H thuộc trường hợp được điều chỉnh theo cơ chế đặc thù. Để đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H, hủy một phần (phần bồi thường, hỗ trợ về đất) trong Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất, UBND quận H (Nay là UBND phường D) cần phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H theo cơ chế đặc thù, cụ thể:

Trong tổng số diện tích 76,1m^2 đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân H bao gồm:

+ Diện tích 54,2m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã D giao đất ở không đúng thẩm quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ, có thu tiền sử dụng đất, thời điểm năm 1986, mục đích để ở, ông Đ đã nộp đủ tiền sử dụng đất. Ông Đ chuyển nhượng lại cho em trai là ông Nguyễn Xuân H tiếp tục sử dụng đất ổn định, xây dựng nhà cấp 4 từ năm 2010, đã nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2012 đến năm 2016, không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về đất đai, không vi phạm pháp luật đất đai, phù hợp với quy hoạch đất ở, đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 75, Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 6, Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ về đất.

+ Diện tích 21,9m^2 có nguồn gốc là đất hành lang kênh La Khê do gia đình tự ý sử dụng lấn chiếm đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, được hỗ trợ 20% đơn giá đất ở theo đơn giá tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội.

Đối với các khoản bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, hỗ trợ khác trong Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND quận H, ông H không có ý kiến gì, các khoản bồi thường, hỗ trợ này là phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ, đúng quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Về tái định cư: Theo xác nhận của UBND phường D, hộ ông Nguyễn Xuân H không trực tiếp ăn ở tại địa chỉ GPMB (ông H cho thuê sử dụng công trình), ông H có hộ khẩu thường trú và ăn ở thường xuyên tại phường L, quận H, Hà Nội, ngoài thửa đất tại địa chỉ GPMB, ông H không còn thửa đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường D; Diện tích đất đang sử dụng vào mục đích để ở còn lại: 41,8m^2 là đất ở của hộ gia đình (theo Quy hoạch phân khu S4, phần diện tích đất này nằm vào quy hoạch mở đường và quy hoạch cây xanh không phù hợp quy hoạch đất ở). Căn cứ khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 23

Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 6, Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; Đề nghị UBND phường D xem xét đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H về điều kiện để được bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật.

5. *Xét Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Xuân H*:

Để thực hiện Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H không chấp hành Quyết định thu hồi đất, không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, không bàn giao đất cho Nhà nước thực hiện dự án, do vậy Chủ tịch UBND quận H đã ban hành Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Xuân H là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

6. Từ các căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H.

[III]. Về án phí và quyền kháng cáo:

UBND quận H (nay là UBND phường D) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1,2,9,10 Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3,4 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 195; Điều 204; Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

- Khoản 21 Điều 3; khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 55; Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 69, 71, 74; khoản 1 Điều 75; Điều 79; khoản 2 Điều 100; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Luật Khiếu nại năm 2011;

- Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều Luật đất đai;

- Điều 6, Điều 11 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Văn bản số 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025 của UBND TP Hà Nội;

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H:

Hủy một phần (phần bồi thường, hỗ trợ về đất) Quyết định số 7093/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân H – Dương Thị D để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa).

2. Buộc Ủy ban nhân dân phường D phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật, xem xét phê duyệt lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân H – Dương Thị D để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa), theo phần nhận định của Bản án và theo quy định của pháp luật.

3. Bác các yêu cầu khác của ông Nguyễn Xuân H.

4. Về án phí: Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hà Nội phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lan Chi